TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khoa Nam
Ông Phạm Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Chí M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:

Chị N và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 08/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng cha mẹ chồng tại khu phố 4, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống khá hạnh phúc nhưng từ năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đôi lúc anh M còn dùng vũ lực, gây thương tích đối với chị N, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh M không đi làm, thường xuyên tụ tập bạn bè rồi dính vào ma tuý. Gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh M vẫn không chịu từ bỏ và thời gian gần đây tình trạng nghiện ma tuý càng nặng, chị N đã báo cơ quan có thẩm quyền để đưa đi cai nghiện, từ đó anh M thường xuyên chửi bới, đe doạ đến tính

mạng chị N nên vào tháng 5 năm 2023 chị N dẫn theo hai con về nhà chị gái thuộc khu phố 2, phường Thác Mơ sinh sống cho đến nay. Do đó, chị N cảm thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng là không thể cứu vãn được, anh M không có thiện chí sửa đổi để cùng chị xây dựng gia đình nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị N và anh M có hai con chung là Lê Ngọc Minh C – sinh ngày 05/5/2015 và Lê Nguyễn Bình A – sinh ngày 23/5/2018. Từ trước đến nay con chung vẫn do một mình chị N chăm sóc, nuôi dưỡng mà không có sự trợ giúp của anh M nên khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023, bị đơn trình bày:

Anh M thống nhất với phần trình bày của chị N về việc anh M và chị N về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian chung sống cũng như tình trạng hôn nhân. Tuy nhiên về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do vấn đề tiền bạc nhưng mâu thuẫn này không lớn và hiện con cái còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả cha mẹ nên anh M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Anh M thống nhất với phần trình bày của chị N về con chung và đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi giải quyết ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M sẽ tự cho con khi có khả năng, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Lê Chí M, bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 08/10/2014, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn cũng như tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị N và anh M có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân là do anh M không có công việc ổn định, sử dụng trái phép chất ma tuý, quậy phá trong gia đình khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vai trò người chồng trong gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn và vì con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn nhưng không hề có động thái nào nhằm khắc phục, sửa đổi những nguyên nhân khiến vợ chồng mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng chị N xây dựng gia đình hạnh phúc; chị N cương quyết xin ly hôn vì thời gian để anh M sửa đổi đã đủ lâu, không còn niềm tin đối với anh M và không thể chung sống với anh M được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị N và anh M có hai con chung là cháu Lê Ngọc Minh C – sinh ngày 05/5/2015 và Lê Nguyễn Bình A – sinh ngày 23/5/2018. Xét thấy trong thời gian vừa qua con chung do một mình chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không có sự chu cấp của anh M nhưng chị N vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên và anh M đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Lê Chí M.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Ngọc Minh C – sinh ngày 05/5/2015 và cháu Lê Nguyễn Bình A – sinh ngày 23/5/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Chí M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008510 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND thị xã Phước Long*
- *Chi cục THADS thị xã Phước Long;*
- *UBND p. Thác Mơ, Tx. Phước Long, T. Bình Phước (Số 46, ngày 08/10/2014);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Bích Vân